

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN LÃO  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 24-6-2021  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Nhạn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Trịnh Thị Sớm;

Ông Vũ Văn Thôn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Gấm - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Trần Công Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2021/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 3 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 362/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 394/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Mạnh C, trú tại: Thôn T, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Đỗ Thị Huyền T, trú tại: Thôn T, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 01 năm 2021 và các bản tự khai của nguyên đơn anh Nguyễn Mạnh C trình bày:*

Anh C xây dựng hạnh phúc với chị Đỗ Thị Huyền T do hai bên tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 01 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Thôn T, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng. Những năm đầu chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc và có 01 con chung. Quá trình chung sống đến đầu năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không thống nhất làm kinh tế, chị T làm ăn tự ý vay nợ chi tiêu không bàn bạc với anh, đến khi anh phát hiện chị T nợ tiền nhiều người, chị T không chứng minh được việc vay tiền, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, hai bên gia đình biết đã hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 02 năm 2021. Đến ngày 05 tháng 3 năm 2021 chị T bỏ đi đâu không rõ địa chỉ, vợ chồng không quan tâm, liên lạc với nhau. Anh C xét thấy không còn tình cảm với chị T, anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn chị Đỗ Thị Huyền T. Về con chung: Anh C và chị T có 01 con chung là Nguyễn Hà L, sinh ngày 25 tháng 01 năm 2011. Hiện anh C đang nuôi con, ly hôn anh đề nghị được nuôi con và anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Đỗ Thị Huyền T có bản tự khai ngày 23 tháng 4 năm 2021 thể hiện: Chị nhất trí anh C trình bày về thời gian và điều kiện kết hôn của vợ chồng. Trong quá trình chung sống chị và anh C xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do không có sự tin tưởng và thông cảm chia sẻ với nhau nên thời gian gần đây vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, đã sống ly thân. Chị T không còn tình cảm với anh C, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh C. Về con chung: Chị T và anh C có 01 con chung là Nguyễn Hà L, cháu muốn ở với ai do cháu quyết định. Về tài sản chung: Chị T trình bày khi nào chị về địa phương sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn anh Nguyễn Mạnh C vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Đỗ Thị Huyền T trong quá trình giải quyết vụ án vắng mặt nhưng chị có bản tự khai, đơn đề nghị Tòa án không hòa giải và đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Về đường lối giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho anh Nguyễn Mạnh C được ly hôn chị Đỗ Thị Huyền T; về con chung: Giao con Nguyễn Hà L, sinh ngày 25 tháng 01 năm 2011 cho anh Nguyễn Mạnh C nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị Đỗ Thị Huyền T. Về tài sản chung: Anh C và chị T không yêu cầu giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án phải nộp án phí dân sự buộc anh Nguyễn Mạnh C phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Mạnh C có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung đối với chị Đỗ Thị Huyền T. Chị T có nơi cư trú tại Thôn T, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

[2] Nguyên đơn anh Nguyễn Mạnh C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Đỗ Thị Huyền T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt anh Nguyễn Mạnh C và chị Đỗ Thị Huyền T.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Mạnh C và chị Đỗ Thị Huyền T xây dựng hạnh phúc với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 01 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đức, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại Thôn T, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống anh C, chị T xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cách sống không phù hợp nhau, vợ chồng không thống nhất với nhau trong việc làm kinh tế nên không tìm được tiếng nói chung, cá nhân chị T vay tiền làm kinh tế nhưng bị thất thoát không có khả năng trả nợ nên chị T đi khỏi địa phương xã Mỹ Đức từ ngày 05 tháng 3 năm 2021 và sống ly thân với anh C từ đó đến nay, hai bên không quan tâm, liên lạc với nhau. Anh C xin ly hôn chị T, trong quá trình giải quyết vụ án anh C đã nộp cho Tòa án 01 bản tự khai, 01 đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và 01 đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt viết tay ngày 23 tháng 4 năm 2021 của chị Đỗ Thị Huyền T. Để có căn cứ xác định các văn bản trên là chữ viết, chữ ký của chị T, anh C đề nghị tòa án giám định chữ viết, chữ ký đối với các văn bản trên. Tòa án đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 103/2021/QĐ-TCGD ngày 07 tháng 6 năm 2021 đối với các giấy tờ trên. Tại kết luận giám định số 90/KLGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng kết

luận: Chữ viết, chữ ký mang tên "Đỗ Thị Huyền T" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A6) so với chữ viết, chữ ký mang tên Đỗ Thị Huyền T trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M4) là chữ viết, chữ ký của cùng một người. Từ những căn cứ trên xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa anh C và chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh C xin ly hôn chị T là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh C và chị T có 01 con chung là Nguyễn Hà L, sinh ngày 25 tháng 01 năm 2011. Hiện anh C đang nuôi con, cháu Linh có đơn đề nghị ở với anh C; hiện chị T không có mặt tại địa phương xã Mỹ Đức, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cho anh C nuôi con Nguyễn Hà L là phù hợp. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị T.

[5] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Mạnh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về chi phí giám định và án phí:

- Về chi phí giám định: Anh Nguyễn Mạnh C là người yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký phải chịu toàn bộ chi phí giám định theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Anh Nguyễn Mạnh C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Mạnh C và chị Đỗ Thị Huyền T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 161; Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Anh Nguyễn Mạnh C được ly hôn chị Đỗ Thị Huyền T.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Hà L, sinh ngày 25 tháng 01 năm 2011 cho anh Nguyễn Mạnh C nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi

khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị Đỗ Thị Huyền T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

### 3. Về chi phí giám định và án phí:

Về chi phí giám định: Anh Nguyễn Mạnh C phải chịu toàn bộ chi phí giám định là 4.680.000đ (bốn triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng). Anh Nguyễn Mạnh C đã nộp đủ tiền chi phí giám định.

Về án phí: Anh Nguyễn Mạnh C phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Nguyễn Mạnh C đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011691 ngày 05 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Anh Nguyễn Mạnh C đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Nguyễn Mạnh C và chị Đỗ Thị Huyền T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND xã M, huyện A;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Nhạn**